| Oregon Department of Education logo | **Bảng Thông Tin về**  **Kế Hoạch Hiệu Suất của Tiểu Bang (SPP)**  **Chỉ Số C5: Nhận Biết Trẻ (Từ Lúc Mới Sinh đến Một Tuổi)** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | |  |  |  |

# **Hoạch Hiệu Suất của Tiểu Bang Oregon**

Theo Đạo Luật Giáo Dục Cá Nhân Khuyết Tật năm 2004 (IDEA), Sở Giáo Dục Oregon (ODE) được yêu cầu gửi Kế Hoạch Hiệu Suất Tiểu Bang (SPP) sáu năm cho Văn Phòng Giáo Dục Đặc Biệt (OSEP). OSEP đã phát triển các biện pháp cải thiện hiệu suất chính, được gọi là các chỉ số, để đo lường cả sự tuân thủ và kết quả. OSEP đặt ra các mục tiêu cho các chỉ số tuân thủ và ODE đặt ra các mục tiêu cho các chỉ số kết quả. SPP phải bao gồm mục tiêu cho mỗi chỉ số kết quả. ODE báo cáo về tiến độ đạt được đối với các chỉ số này hàng năm trong Báo Cáo Hiệu Suất Hàng năm (APR). Mỗi sáu năm ODE phải xem xét lại mục tiêu cho các kết quả và thu hút các đối tác chính trong việc phát triển những mục tiêu mới. ODE hiện đang muốn nhận ý kiến đóng góp liên quan đến các chỉ số mà các mục tiêu phải được thiết lập và sẽ tổ chức một phiên đóng góp ý kiến công khai để thảo luận về dữ liệu liên quan đến chỉ số này vào tháng 12 năm 2021. Vui lòng xem [Kế Hoạch Hiệu Suất Tiểu Bang và Báo Cáo Hàng Năm cho trang web Giáo Dục Đặc Biệt](https://www.oregon.gov/ode/reports-and-data/SpEdReports/Pages/State-Performance-Plan-and-Annual-Performance-Report-for-Special-Education.aspx) để biết thêm thông tin và đăng ký cho phiên họp đóng góp ý kiến công khai. Quý vị cũng có thể cung cấp ý kiến mà không cần tham dự phiên họp thông qua cuộc khảo sát này.

# **Chỉ số này đo lường điều gì và tại sao nó lại quan trọng?**

Chỉ số C5 báo cáo về tỷ lệ trẻ em nhận được các dịch vụ IFSP vào ngày 1 tháng 12 so với số lượng trẻ em trong tiểu bang từ mới sinh cho đến một tuổi.

Dữ liệu từ chỉ số này sẽ cho thấy chương trình EI/ECSE tiến hành các hoạt động nhận biết trẻ ở trẻ sơ sinh và trẻ mới biết đi tốt như thế nào. Chỉ số này là một tập hợp dữ liệu phụ cho Chỉ Số 6 và được tính toán và đo lường vì tầm quan trọng của việc trẻ sơ sinh được xác định, đánh giá và ghi danh tham gia các dịch vụ Can Thiệp Sớm nhanh nhất có thể. Hiệu suất thấp sẽ cho thấy sự cần thiết phải cải thiện một số nổ lực trong việc nhận biết trẻ.

# **Nguồn dữ liệu là gì?**

Dữ liệu được thu thập theo mục 618 của IDEA (thu thập dữ liệu về các Cơ Sở và Trẻ Em được Chú Ý Đến, IDEA Phần C trong Hệ Thống Siêu Dữ Liệu và Quy Trình EDFacts (EMAPS)) và Điều Tra Dân số (đối với mẫu số).

# **Các đường cơ sở có cần được thiết lập hoặc thiết lập lại cho chỉ số này không?**

Không

# **Oregon đã hoạt động như thế nào trong thời gian qua?**

| **Năm Tài Chính Liên Bang (FFY** | **2005** | **2014** | **2015** | **2016** | **2017** | **2018** | **2019** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mục Tiêu ≥ | *Đường Cơ Sở* | 0.76% | 0.76% | 0.80% | 0.80% | 0.80% | 0.80% |
| Dữ Liệu | 0.75% | 0.93% | 0.91% | 0.96% | 0.94% | 0.98% | 1.04% |

# **Các mục tiêu mới là gì?**

ODE sẽ không đặt ra các mục tiêu mới cho đến khi chúng tôi nhận được phản hồi từ các đối tác của chúng tôi. Có một số cách để đặt mục tiêu mới. Đó có thể là tăng tỷ lệ phần trăm, bắt đầu với trò chơi kết thúc trong tâm trí hoặc kiểm tra các xu hướng theo thời gian và đưa ra dự đoán dựa trên xu hướng. Một số thông tin hữu ích về việc đặt mục tiêu:

* Mục tiêu là nhằm hỗ trợ cải thiện kết quả và thành quả cho trẻ em và gia đình. Mục tiêu phải nằm trong tầm với nhưng vẫn cho thấy sự phát triển.
* Thay đổi cần có thời gian. Mục tiêu có thể được tạo ra với sự hiểu biết này trong tâm trí. Ví dụ: các mục tiêu có thể giữ nguyên trong vài năm liên tiếp và sau đó sẽ cải thiện một chút trong năm mục tiêu cuối cùng (Năm Tài Chính Liên Bang (FFY) 2025). Hoặc cho thấy một chút cải thiện mỗi năm.

**Ví Dụ A**

| **Năm Tài Chính Liên Bang (FFY)** | **2020** | **2021** | **2022** | **2023** | **2024** | **2025** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mục Tiêu ≥ | 0.80% | 0.81% | 0.81% | 0.82% | 0.82% | 0.83% |

Các mục tiêu đề xuất cho thấy sự phát triển dần dần.

**Ví Dụ B**

| **Năm Tài Chính Liên Bang (FFY)** | **2020** | **2021** | **2022** | **2023** | **2024** | **2025** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mục Tiêu ≥ | 0.80% | 0.82% | 0.84% | 0.86% | 0.88% | 0.90% |

Ví dụ B cho thấy sự phát triển nhiều hơn.

**Nếu quý vị cần thêm thông tin về chỉ số này để cung cấp ý kiến đóng góp, vui lòng liên hệ:**

**Bruce Sheppard, Chuyên Gia Giáo Dục, tại** [**bruce.sheppard@ode.state.or.us**](mailto:bruce.sheppard@ode.state.or.us)**.**